

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 21 ngày 21 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 46 tiêu chí chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH SPKT Hưng Yên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

**Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên**

*(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 1.2	4			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4	4,14	7	100
Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	5			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4	4,00	4	80
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 10.1	4	4,00	6	100
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 11.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,98	46	92



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 87/NQ-HĐKĐCLGD ngày 23/8/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin (CNTT) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra phiên bản năm 2022 được xây dựng rõ ràng thể hiện yêu cầu về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

2. Bản mô tả CTĐT có đủ thông tin cần thiết, được rà soát, cập nhật và ban hành vào các năm 2020 và 2022. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng, có đủ thông tin cần thiết; được rà soát, cập nhật theo kế hoạch của Trường. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau bảo đảm các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, học viên và cựu học viên có thể dễ dàng tiếp cận.

3. CTĐT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ và trách nhiệm của người học. Các phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra, đánh giá của CTĐT phù hợp và góp phần đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học có cấu trúc logic, hợp lý. Đề cương các học phần xác định rõ tổ hợp phương pháp giảng dạy, học tập và kiểm tra đánh giá phù hợp hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học được xây dựng, rà soát, điều chỉnh có tham khảo ý kiến các bên liên quan và CTĐT của các trường đại học trong nước bảo đảm tính linh hoạt và tích hợp.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố chính thức, được quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên và phổ biến đến các bên liên quan. Tất cả các đề cương học phần đều mô tả rõ phương pháp giảng dạy và học tập, quy định thời gian tự học, tự nghiên cứu nhằm thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và năng lực tự học, tự nghiên cứu suốt đời. Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, khuyến khích học viên tìm tòi, sáng tạo, thể hiện qua các công trình nghiên cứu khoa học, đồ án, khóa luận chất lượng. Các phương pháp và công cụ giảng dạy hiện đại, cùng hình thức kiểm tra dạng đồ án, dự án, đã tạo hứng thú và giúp người học nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và học tập suốt đời.

5. Quy trình và kế hoạch đánh giá kết quả học tập của Trường được quy định rõ ràng, chi tiết, bao gồm thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số và cơ chế phản hồi. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Việc phúc khảo bài thi học phần được quy định rõ ràng, được công khai qua cổng thông tin, sổ tay người học và các buổi gặp mặt đầu khóa.

6. Hệ thống văn bản để thực hiện quy hoạch, tuyển dụng và bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, quản trị công việc, đánh giá công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đầy đủ, rõ ràng. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên cơ bản bảo đảm yêu cầu CTĐT. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định và quy đổi rõ ràng theo từng vị trí việc làm, làm cơ sở để đánh giá, xếp loại, chi trả thu nhập, ... Việc xác định, đánh giá năng lực giảng viên được rà soát, cải tiến theo thời gian. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện khá hiệu quả đối với Khoa CNTT và CTĐT. Việc quản trị công việc của giảng viên, nghiên cứu viên được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên CTĐT đạt kết quả cao thể hiện qua các sản phẩm khoa học trong nước lẫn nước ngoài.

7. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên dự báo nhu cầu thực tế trong hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng yêu cầu công việc được giao, góp phần hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của Nhà trường. Các văn bản quy định về tuyển dụng, chuyển đổi vị trí công tác được ban hành với các tiêu chí rõ ràng, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, được phổ biến rộng rãi, công bố công khai. Quy định, hướng dẫn đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được xây dựng, sử dụng trong việc đánh giá chất lượng lao động hàng tháng, tiêu chí xếp loại chất lượng viên chức và người lao động hàng năm. Việc đánh giá hiệu quả công việc dựa trên mô tả năng lực vị trí việc làm được triển khai. Đội ngũ nhân viên tham gia xây dựng, góp ý quy định đánh giá hiệu quả công việc và hài lòng với kết quả đánh giá. Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Đội ngũ nhân viên hài lòng với kết quả đánh giá.

8. Chính sách, quy định về tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được rà soát điều chỉnh hàng năm. Hệ thống quản lý, giám sát sự tiến bộ của người học trong trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập được thiết lập và vận hành tốt. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, tư vấn việc làm và các dịch vụ hỗ trợ người học trong học tập được triển khai đa dạng, rộng rãi. Mức độ hài lòng của người học và người học tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, tư vấn việc làm ở mức cao. Môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc học tập thân thiện. Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh, an toàn.

9. Hệ thống phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành và trang thiết bị cơ bản phù hợp; có các quy định quản lý, sử dụng máy móc thiết bị; thường xuyên có kế hoạch, dự trù và kinh phí cải tạo, nâng cấp các tòa nhà, phòng học,

phòng làm việc, sửa chữa, mua sắm thiết bị, có người phụ trách để hỗ trợ các hoạt động, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Thư viện, có đủ các phòng đọc, có 02 cổng thông tin website: thuvien.utehy.edu.vn và thuvienso.utehy.edu.vn; các nội quy, quy định; quy trình quản lý, sử dụng, kết nối được với thư viện nhiều trường đại học trong cả nước. Hệ thống CNTT cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và có đơn vị, cá nhân vận hành ổn định, an toàn hệ thống CNTT. Một số tiêu chuẩn cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn được ban hành; có các quy định chức năng, nhiệm vụ cho các phòng, ban chức năng quản lý triển khai thực hiện hằng năm.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học của Trường được thiết lập, được rà soát, đánh giá và cải tiến. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên tham gia thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến hoạt động dạy và học, có các bài báo, báo cáo khoa học được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá của giảng viên đối với người học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được quy định rõ ràng, được đánh giá và cải tiến. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống. Chính sách bảo đảm chất lượng, các quy định và công cụ khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến.

11. Nhà trường đã thiết lập hệ thống quản lý hiệu quả để theo dõi kết quả đầu ra của CTĐT thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin. Tỷ lệ tốt nghiệp cao, tỷ lệ thôi học thấp. Thời gian tốt nghiệp trung bình ổn định, đúng với thời gian thiết kế của chương trình. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp đạt 100%, trong đó phần lớn làm việc đúng ngành đào tạo. Hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên được khuyến khích và hỗ trợ, với số lượng bài báo và báo cáo hội nghị, hội thảo cao hơn so với các ngành khác trong trường. Nhà trường đã xây dựng hệ thống thu thập ý kiến phản hồi từ các bên liên quan một cách toàn diện, với kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng cao của học viên đối với chất lượng dịch vụ giáo dục. Các kết quả này được sử dụng để cải tiến chất lượng CTĐT.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Định kỳ rà soát, chỉnh sửa mục tiêu CTĐT phù hợp với định hướng nghiên cứu của ngành; rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra của CTĐT, bổ sung các năng

lực lãnh đạo, quản lý và làm rõ hơn yếu tố trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp; mở rộng khảo sát đến các doanh nghiệp vừa/nhỏ và chuyên gia quốc tế để tăng tính đa dạng.

2. Rà soát bản mô tả CTĐT, xác định cụ thể mức độ đóng góp của các học phần đối với từng chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát đề cương các học phần, cập nhật đầy đủ các nội dung, sử dụng các động từ trong chuẩn đầu ra có thể định lượng, đánh giá được và thể hiện sự đóng góp của học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; đa dạng hóa các loại hình truyền thông, cần tạo điều kiện thuận tiện hơn nữa trong tiếp cận thông tin về CTĐT, đề cương học phần đối với các bên liên quan, đặc biệt là các bên liên quan ngoài Trường.

3. Rà soát, đánh giá tính tương thích của hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá của tất cả các học phần hướng đến đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, điều chỉnh đề cương đầy đủ các học phần trong CTĐT theo hướng “lượng hóa” các chuẩn đầu ra của CTĐT vào các học phần, bảo đảm tính tương thích giữa phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra, làm rõ và chính xác hơn mức độ đóng góp của mỗi học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT; rà soát, bổ sung các tiêu chí đối sánh về mục tiêu, chuẩn đầu ra, đối tượng đầu vào trong tiêu chí để thông tin đối sánh thu thập được hỗ trợ tốt hơn cho việc cập nhật, sửa đổi chương trình dạy học.

4. Đa dạng hoá phương pháp truyền thông nhằm giới thiệu hiệu quả triết lý giáo dục, đặc biệt đối với các bên liên quan bên ngoài Trường; đánh giá hiệu quả, tác động của các giải pháp phổ biến về triết lý giáo dục đến các bên liên quan, mức độ chuyển tải được nội dung của triết lý giáo dục vào thực tiễn hoạt động dạy học và các hoạt động khác của Nhà trường; rà soát nội dung tự học, phương pháp học, kiểm tra đánh giá để đạt được chuẩn đầu ra của học phần; tổ chức thường xuyên hơn các hội thảo, hội nghị, seminar về đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá.

5. Xây dựng văn bản hướng dẫn và tập huấn đầy đủ việc thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích, yêu cầu đánh giá mức độ đạt được của các chuẩn đầu ra; định kỳ thống kê, phân tích mức độ phù hợp của các hình thức thi đối với đánh giá đạt chuẩn đầu ra của học phần; rà soát hướng dẫn/quy định về phương pháp kiểm tra đánh giá quá trình của tất cả các học phần theo hướng tường minh, định lượng và phù hợp hơn; xây dựng quy trình, công cụ đo lường độ giá trị và độ tin cậy của các phương pháp kiểm tra đánh giá; thống kê và phân tích kết quả điểm thi của học viên để đánh giá mức độ phù hợp đối với đo lường chuẩn đầu ra và độ tin cậy của phương pháp kiểm tra đánh giá; khảo sát mức độ hài lòng của người học về thời gian, phương thức phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá các học phần; lấy ý kiến phản hồi của người học về cơ chế, quy trình khiếu nại, phúc khảo; xem xét xây dựng cơ chế quy định chính thức cho người học biết đáp án hoặc được giải đáp thắc mắc sau khi được chấm điểm phúc khảo để người học biết được nguyên nhân tăng giảm hay không được điều chỉnh điểm.

6. Ban hành đầy đủ kế hoạch hàng năm phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, có phân định theo từng ngành; xác định đầy đủ và rõ ràng nhóm năng lực cốt lõi của giảng viên, nghiên cứu viên trong Khung năng lực và ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực KPIs của giảng viên, nghiên cứu viên để đánh giá được đầy đủ các năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; có kế hoạch hoạt động khoa học dài hạn theo mục tiêu trong Chiến lược.

7. Lập công cụ và quy trình phân tích làm cơ sở xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với định hướng chuyển đổi số và phát triển bền vững; định kỳ rà soát và cập nhật khung năng lực theo Đề án vị trí việc làm, bảo đảm phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn phát triển; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá có tính định lượng về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo vị trí công việc; đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn trên cơ sở năng lực cần có của từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, đáp ứng với mục tiêu chiến lược và sứ mạng của Trường; cải tiến biểu mẫu về phân công nhiệm vụ của các đơn vị, bổ sung các yêu cầu về chất lượng, tiến độ công việc để giám sát, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc cụ thể, rõ ràng hơn.

8. Định kỳ hàng năm thực hiện phân tích/dự báo nhân lực một cách đầy đủ, toàn diện, lập báo cáo tổng hợp cụ thể, làm cơ sở tốt cho việc xây dựng chính sách tuyển sinh; khảo sát, thu thập đầy đủ hơn ý kiến các bên liên quan khi xây dựng, rà soát các tiêu chí, phương thức tuyển chọn người học làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cập nhật hàng năm; nghiên cứu nâng cấp, bổ sung tính năng cảnh báo học vụ tự động để có thể cảnh báo sớm và kịp thời đến cố vấn học tập và người học, giúp nâng cao hiệu quả giám sát sự tiến bộ của người học; định kỳ hàng năm khảo sát mức độ hài lòng của người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tư vấn học tập và việc làm, đặc biệt đối với người học trình độ thạc sĩ; triển khai hoạt động hỗ trợ tâm lý, sức khỏe tâm thần cho người học theo chức năng nhiệm vụ đã được giao; tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm cho người học theo quy định; nâng cấp, cải tạo ký túc xá, cải thiện điều kiện phòng chống cháy nổ khu vực ký túc xá góp phần cải thiện cảnh quan, môi trường.

9. Thường xuyên rà soát, bổ sung, nâng cấp trang thiết bị cho phòng học và thực hành; phát triển hệ thống quản trị thư viện hướng đến phát triển không gian tri thức số hiện đại phù hợp với tầm nhìn của Trường; điều chỉnh thời gian mở cửa thư viện phù hợp với nhu cầu của người học; rà soát, bổ sung tài liệu học tập như đã ghi trong đề cương chi tiết học phần; xây dựng và khai thác hiệu quả các hệ thống CNTT trong quản lý, quản trị và các hoạt động có tính hệ thống; có lộ trình xúc tiến nhanh để đạt được tầm nhìn cũng như mục tiêu trong đề án chuyển đổi số của Trường; mở rộng mạng wifi ở một số khu vực cho người học; thường xuyên cập nhật các văn bản về môi trường, sức khỏe và an toàn; xây dựng môi trường học tập phù hợp cho người khuyết tật.

10. Chú trọng thu thập thông tin về nhu cầu đào tạo và yêu cầu về năng lực của các vị trí việc làm tại nơi sử dụng lao động làm cơ sở rà soát, điều chỉnh và phát triển CTĐT và chương trình dạy học; quy định, hướng dẫn cụ thể việc sử dụng ma trận liên kết chuẩn đầu ra và các học phần của CTĐT trong việc thiết kế đề cương chi tiết các học phần dựa trên chuẩn đầu ra và đánh giá mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; đánh giá mức độ tương thích phù hợp các phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên với chuẩn đầu ra của học phần, tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu khoa học chuyên ngành và nghiên cứu phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT; rà soát phiếu khảo sát, tách riêng các tiêu chí, đánh giá đầy đủ chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đánh giá chất lượng dịch vụ và tiện ích của thư viện, phòng thí nghiệm/thực hành và hệ thống CNTT; tách riêng kết quả đánh giá cho CTĐT; tăng cường kết nối giữa các bên liên quan trong việc thu thập, xử lý, chia sẻ, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan, nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả khảo sát, đánh giá trong việc nâng cao chất lượng các mặt hoạt động dạy và học của CTĐT.

11. Mở rộng phạm vi đối sánh với các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước; có biện pháp khuyến khích và hỗ trợ học viên tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, để khắc phục hạn chế trong những năm gần đây khi số lượng đề tài có xu hướng giảm; xây dựng hệ thống quản lý điện tử để lưu trữ và theo dõi hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên; xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi thường xuyên, liên tục từ các bên liên quan, không chỉ giới hạn ở các cuộc khảo sát định kỳ; sử dụng kết quả khảo sát mức độ hài lòng để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng cụ thể và đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải tiến.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.